

Số **974** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày **16** tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình

Dự án: "Xây dựng Nhà làm việc liên cơ số 2"

Địa điểm: 16 Thụy Khuê- Tây Hồ- Hà Nội

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và số 75/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và số 83/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2768/QĐ-BNN-XD ngày 10/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt dự án: "Xây dựng Nhà làm việc liên cơ số 2" tại 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội;

Xét Tờ trình số 214/TTr-VP ngày 19/4/2011 xin điều chỉnh dự án và Báo cáo giám sát đánh giá đầu tư số 215/BC-VP ngày 19/4/2011 của Chánh Văn phòng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (kèm theo Báo cáo thẩm định số 434/XD-TĐ ngày 04/5/2011 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2768/QĐ-BNN-XD ngày 10/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, với nội dung sau:

I. Bổ sung khoản 6, Điều 1:

Bổ sung hệ thống đường dây trung thế và các thiết bị đồng bộ cho Trạm biến áp 560KVA-35/0,4KV

Bổ sung chi phí khảo sát cho công trình.

II. Điều chỉnh khoản 7, Điều 1. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn :

2.1-Tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư được duyệt: **44.200.867.000 đ**
(Bốn mươi bốn tỷ, hai trăm triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)

Trong đó	
- Xây dựng	28.560.088.000đ
- Thiết bị	5.884.787.000đ
- Quản lý dự án	992.107.000đ
- Tư vấn đầu tư xây dựng	2.134.273.000đ
- Chi phí khác	444.506.000đ
- Dự phòng	6.185.106.000đ

(Chi tiết phụ lục số 1 kèm theo)

2.2-Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn hỗ trợ của Tổng cục Thuế (chiếm 28%) là:	12.316.000.000đ.
- Vốn ngân sách cấp (chiếm 72%) là	31.884.867.000đ.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh bổ sung khoản 6 và thay thế khoản 7 Điều 1 Quyết định số 2768/QĐ-BNN-XD ngày 10/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, các nội dung khác vẫn giữ nguyên không thay đổi.

Điều 3. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Thực hiện đầu tư theo đúng nội dung dự án được duyệt, tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý dự án và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cơ bản.
- Quản lý vốn, chất lượng và tiến độ xây dựng công trình theo đúng các nội dung quy định hiện hành.

2. Cục Quản lý xây dựng công trình thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ đầu tư tổ chức quản lý thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về Quản lý dự án và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài Chính;
- Kho bạc NN TP. Hà Nội;
- Lưu: V/T, XD.

KT. BỘ TRƯỞNG
CHỦ TRƯỞNG



Hoàng Văn Thắng

Hoàng Văn Thắng

Phụ lục 1
Tổng mức đầu tư dự án

Dự án "Nhà làm việc liên cơ số 2 - 16 Thụy Khuê-Tây Hồ-Hà Nội"
(Phụ lục kèm theo Quyết định số **974** /QĐ-BNN-XD ngày **16** /5 /2011)



Đơn vị: 1000 đồng

TT		Đơn vị	Số lượng	Quyết định 2768 10/9/2008	Điều chỉnh
	Tổng mức đầu tư			44.200.867	44.200.867
	Xây lắp + Thiết bị			35.229.600	34.444.875
I	Xây dựng			30.631.600	28.560.088
1	Nhà làm việc 9 tầng (phần xây dựng)	m2	4.843	27.989.800	26.417.088
-	Phần cọc	-		5.088.364	
-	Phần móng	-		2.503.199	
-	Phần thân	-		18.235.707	
-	Điện chiếu sáng và đường kỹ thuật điều hoà	HT	1	1.757.921	
-	Cấp, thoát nước trong nhà	HT	1	333.216	
-	Chống sét	HT	1	71.393	
2	Các hạng mục ngoài nhà			704.320	
-	Bể nước sinh hoạt	cái	1	125.426	
-	Bể nước cứu hoả		1	125.999	
-	Bể phốt	-	1	88.148	
-	Sân đường	m2	410	64.413	
-	Hàng rào	md		186.707	
-	Cấp thoát nước ngoài nhà	HT	1	35.386	
-	Bồn hoa	m2	25,8	9.975	
-	Hệ thống điện ngoài nhà	HT	1	68.266	
3	Chi phí phá dỡ công trình cũ, giải phóng mặt bằng			629.049	487.929
4	Hệ thống dây dẫn điện thoại và mạng lan	HT	1	629.192	738.870
5	Phòng cháy chữa cháy	HT	1	457.866	761.486
6	Chống mối	-	1	221.373	154.715
II	Thiết bị			4.598.000	5.884.787
II.1	Thiết bị xây dựng			3.394.000	4.783.087
1	Thang máy 9 người 11 điểm dừng	cái	2	2.249.000	2.382.904
2	Máy phát điện 100KVA/336	-	1	500.000	500.940
3	Máy biến áp 560KVA và đường dây	-	1	500.000	1.643.920
4	Máy bơm nước sinh hoạt	-	2	10.000	59.624
5	Máy bơm chìm + Máy bơm dự phòng	-	2	22.000	16.760
6	Máy bơm nước cứu hoả P 15KW/380V	-	2	113.000	152.147
7	Máy bơm bù cứu hoả	-			26.792
II.2	Thiết bị văn phòng			1.204.000	1.101.700
1	Điều hoà không khí 18000 BTU	-	46	575.000	666.700
2	Điều hoà không khí 24000 BTU	-	37	629.000	435.000
III	Chi phí quản lý dự án			642.900	992.107
1	Tư vấn quản lý dự án				775.107

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Quyết định 2768 10/9/2008	Điều chỉnh
2	Chi phí Ban điều hành dự án				217.000
IV	Chi phí vận hành dự án			2.053.100	2.134.273
1	Chi phí lập dự án	-	-	145.800	105.000
2	Thiết kế bản vẽ thi công, lập TDT	-	-	882.800	856.857
3	Chi phí thi công cọc (4 cọc)	-	-	50.000	
4	Chi phí tham tra BVTC			41.000	79.103
5	Chi phí thi công TDT	-	-	40.100	
6	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng			61.900	52.455
7	Chi phí lựa chọn nhà thầu lắp đặt thiết bị			14.500	18.044
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng			569.700	696.056
9	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị			42.900	42.438
10	Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình			204.400	284.320
V	Chi phí khác			275.267	444.506
1	Đo đạc cắm mốc chỉ giới			5.167	6.040
2	Đo vẽ khảo sát địa hình và địa chất				180.326
3	Lệ phí thẩm định dự án	-	-	9.100	8.569
4	Chi phí bảo hiểm (Xây lắp + Thiết bị)	-	-	90.600	64.729
5	Chi phí kiểm toán	-	-	99.700	123.983
6	Chi phí quyết toán	-	-	67.100	40.598
7	Chi phí thẩm định lựa chọn nhà thầu			3.600	3.600
8	Thẩm định giá thiết bị				16.661
IV	Chi phí dự phòng	đ	-	6.000.000	6.185.106